

TRƯỜNG THCS HOÀNG QUỐC VIỆT
TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN NGŨ VĂN LỚP 6 (TUẦN 5)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BÀI: ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG LIÊN KẾT CÂU CỦA TRẠNG NGŨ

I. Trạng ngữ

1. Khái niệm

- Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, mục đích... của sự việc nêu trong câu.

2. Phân loại

- TN chỉ thời gian
- TN chỉ nơi chốn
- TN chỉ nguyên nhân
- TN chỉ mục đích
- TN có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liên mạch.

II. Luyện tập

HS làm bài tập 1;2;3;4/ SGK/trang 48

VIẾT

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

I. Tìm hiểu chung

1. Khái niệm

- Kể lại một truyện cổ tích thuộc loại văn bản kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

2. Yêu cầu

a. Yêu cầu về nội dung

+ Người kể sử dụng ngôi thứ ba.

+ Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.

- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.

b. Yêu cầu về hình thức

- Bài văn gồm có ba phần:

+ Mở bài: giới thiệu được truyện cổ tích sẽ kể lại.

+ Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

+ Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

II Thực hành

Đề bài: Viết một bài văn kể lại một truyện cổ tích.

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

1. Chuẩn bị bài nói

2. Các bước tiến hành :- xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.

- chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của cổ tích mà khi kể lại không thể bỏ qua.

3. Trình bày bài nói

- Trình bày theo nhóm hoặc cá nhân

4. Trao đổi , nhận xét về bài nói

NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

I. Tìm hiểu chung

1. Thể loại: lục bát

- Là thể thơ có từ lâu đời, mỗi cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng và một dòng 8 tiếng.

- Đặc điểm:

+ Cách gieo vần

+ Ngắt nhịp

+ Thanh điệu

2. Đọc, tìm hiểu chú thích

SGK

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Bài ca dao 1

- Vẻ đẹp của mảnh đất kinh đô phồn hoa đô hội và tình cảm lưu luyến khi phải xa nơi đây.

- Nghệ thuật: liệt kê

2. Bài ca dao số 2

- Vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc.

3. Bài ca dao 3

- Giới thiệu vẻ đẹp của vùng đất Bình Định.

- NT: thơ lục bát

4. Bài ca dao số 4

- niềm tự hào về sự trù phú của vùng đất Tháp Mười

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Các bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp cảnh vật, con người, truyền thống văn hóa của các vùng miền trên cả nước.

* *Ý nghĩa:* Thể hiện niềm tự hào, yêu mến với thiên nhiên và con người.

b. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát, ngôn ngữ mộc mạc, giàu hình ảnh

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

I. Tìm hiểu chung : SGK

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Vẻ đẹp thiên nhiên

- Gọi tả vẻ đẹp của thiên nhiên từ vùng núi cao đến đồng bằng bao la, mênh mông, rộng lớn,
- Hình ảnh “biển lúa” gọi ra sự giàu đẹp, trù phú của quê hương.
- Nghệ thuật: so sánh kết hợp đảo ngữ, ẩn dụ miêu tả bao quát bức tranh thiên nhiên rộng lớn.

2. Vẻ đẹp con người

- Vất vả, cần cù trong lao động: chịu nhiều đau thương, vất vả in sâu gắn liền với đồng ruộng.
- Kiên cường, anh dũng trong chiến đấu nhưng rất đổi hiền lành, giản dị, chất phác.
- Vẻ đẹp thủy chung, son sắt: trân trọng tấm lòng thủy chung.
- Vẻ đẹp khéo léo, chăm chỉ trong lao động: tay người như có phép tiên
- Nghệ thuật: ẩn dụ, hoán dụ, so sánh nhằm khắc họa, tô đậm vẻ đẹp của con người Việt Nam.

→ Thể hiện niềm tự hào, yêu mến của tác giả

III. Tổng kết

